

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI DO CHATGPT TẠO SINH: MỘT PHÂN TÍCH THỂ LOẠI VÀ ỨNG DỤNG TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH PHÁP LÝ

Trần Nam Thiên Hương^{1,2}

Email: 25t71010005@students.hou.edu.vn, ORCID: 0009-0005-3998-2392

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026. Ngày phản biện đánh giá: 15/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 01/06/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1281

Tóm tắt: Bài viết phân tích cấu trúc thể loại và một số đặc điểm ngôn ngữ nổi bật của hợp đồng thương mại do ChatGPT tạo sinh, từ đó đề xuất ứng dụng cho giảng dạy tiếng Anh pháp lý. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thể loại định tính trên ngữ liệu gồm 09 hợp đồng thương mại thuộc ba nhóm: hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ và hợp đồng phân phối. Kết quả cho thấy ChatGPT có khả năng tái hiện tương đối ổn định các bước thoại cốt lõi của hợp đồng thương mại. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế ở các bước thoại tùy chọn, cũng như tính nhất quán của ngôn ngữ hợp đồng cho thấy giới hạn của ChatGPT trong việc tạo lập hợp đồng hoàn chỉnh. Nghiên cứu kết luận rằng các văn bản này nên được sử dụng như học liệu phân tích và phản biện, thay vì hợp đồng mẫu có giá trị pháp lý hoàn chỉnh.

Từ khóa: phân tích thể loại, hợp đồng thương mại, ChatGPT, ESP

I. Đặt vấn đề

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh, đặc biệt là ChatGPT, đang làm thay đổi cách thức tạo lập văn bản chuyên môn, bao gồm văn bản pháp lý. Trong lĩnh vực thương mại, hợp đồng là văn kiện pháp lý quan trọng, quy định quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch. Do có tính ràng buộc cao, hợp đồng thương mại thường được tổ chức chặt chẽ, sử dụng ngôn ngữ chính xác và tuân thủ quy ước thể loại ổn định.

Từ góc nhìn thể loại, văn bản chuyên ngành không chỉ là tập hợp các câu chữ riêng lẻ mà còn là sự kiện giao tiếp có mục đích, được tổ chức bằng các bước thoại với chức năng giao tiếp cụ thể (Swales, 1990; Bhatia, 1993). Đối với văn bản pháp lý, các bước thoại này càng có vai trò quan trọng vì chúng góp phần xác lập hiệu lực, nghĩa vụ và cơ chế thực thi của hợp đồng. Vì vậy, việc xem xét liệu ChatGPT có thể tái hiện cấu trúc thể loại và đặc điểm ngôn ngữ của hợp đồng thương mại hay không là vấn đề cần được khảo sát. Xuất phát từ

¹ Trường Đại học Ngoại thương - Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

² Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

thực tiễn đó, bài viết tiến hành khảo sát 09 hợp đồng thương mại ChatGPT tạo sinh nhằm trả lời 03 câu hỏi nghiên cứu:

CH1: Những bước thoại nào đặc trưng cho hợp đồng thương mại ChatGPT tạo sinh?

CH2: Đặc điểm ngôn ngữ được thể hiện nổi bật như thế nào trong hợp đồng thương mại ChatGPT?

CH3: Hợp đồng ChatGPT thiết kế nên được sử dụng thế nào trong ESP chuyên ngành pháp lý?

Do quy mô ngữ liệu nhỏ và chỉ khảo sát công cụ ChatGPT, nghiên cứu này được định vị là nghiên cứu thăm dò định tính, không nhằm khái quát hóa cho toàn bộ các nền tảng AI tạo sinh.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Cấu trúc thể loại của hợp đồng thương mại

Trên quốc tế, phân tích thể loại tiếp cận văn bản chuyên ngành như một sự kiện giao tiếp có mục đích, được hiện thực hóa qua hệ thống bước thoại tương đối ổn định. Swales (1990) cho rằng thể loại được kiến tạo trong cộng đồng diễn ngôn, nơi các thành viên chia sẻ mục đích giao tiếp và quy ước tạo lập văn bản. Trên nền tảng đó, Bhatia (1993) nhấn mạnh rằng văn bản pháp lý có mức độ quy ước hóa cao, bởi mỗi thành phần đều gắn với một chức năng giao tiếp và pháp lý cụ thể. Trosborg (1997) cũng khẳng định hợp đồng là một thể loại pháp lý đặc thù, được nhận diện qua cấu trúc ổn định, ngôn ngữ chính xác, tính ràng buộc và tính công thức.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về diễn ngôn pháp lý và ngôn ngữ hợp đồng cho thấy hợp đồng thương mại có mức độ hình thức hóa cao, chịu sự chi phối

đồng thời của quy ước pháp lý và quy ước ngôn ngữ chuyên ngành. Nguyễn (2008) và Nguyễn (2013) chỉ ra rằng hợp đồng thương mại thường được tổ chức bằng hệ thống điều khoản ổn định, sử dụng từ vựng pháp lý cố định và các biểu thức nghĩa vụ. Nhìn chung, các bước thoại như “Tiêu đề”, “Thông tin các bên”, “Định nghĩa”, “Nghĩa vụ”, “Thanh toán”, “Chấm dứt” và “Luật điều chỉnh” tạo cấu trúc thể loại cơ bản để đánh giá mức độ ChatGPT tái hiện quy ước diễn ngôn hợp đồng.

2.2. Soạn thảo hợp đồng bằng trí tuệ nhân tạo

Trên quốc tế, các nghiên cứu gần đây cho thấy trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong lĩnh vực pháp lý, bao gồm soạn thảo, tóm tắt, phân tích và so sánh văn bản. Dwivedi và cộng sự (2023) cho rằng ChatGPT tạo ra cơ hội mới cho hoạt động viết chuyên môn, nhưng đồng thời đặt ra vấn đề về độ tin cậy, trách nhiệm và kiểm chứng. Trong lĩnh vực hợp đồng, Narendra, Shetty và Ratnaparkhi (2024) cho thấy mô hình ngôn ngữ lớn có thể hỗ trợ so sánh hợp đồng với văn bản mẫu, qua đó nhận diện sự khác biệt giữa các điều khoản. Tuy nhiên, Dahl và cộng sự (2024) cảnh báo rằng các mô hình này có thể tạo ra “ảo giác pháp lý”, tức là những thông tin có vẻ hợp lý nhưng không chính xác về mặt pháp lý. Ajevski và cộng sự (2023) cũng cho rằng ChatGPT buộc giáo dục pháp lý phải điều chỉnh cách thiết kế hoạt động học tập và đánh giá, đặc biệt theo hướng phát triển năng lực sử dụng AI có kiểm chứng.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về ChatGPT trong học tập và nghiên cứu, như Đặng và cộng sự (2024), cho thấy công cụ này có tiềm năng hỗ trợ người

học tạo lập văn bản, tra cứu và phát triển ý tưởng, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ mặc nhiên chấp nhận thông tin.

Có thể thấy, dù đã có những nghiên cứu về hiệu quả sử dụng ChatGPT/AI trong văn bản viết, hiện vẫn còn thiếu các công trình phân tích cách thức thể hiện các quy ước thể loại của hợp đồng AI, đặc biệt là cấu trúc và tổ chức tu từ của hợp đồng thương mại. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà bài viết hướng tới.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính, cụ thể là phân tích thể loại dựa trên khung lý thuyết của Bhatia (1993). Mục tiêu của nghiên cứu không nhằm khái quát hóa năng lực tạo lập hợp đồng của trí tuệ nhân tạo, mà tập trung nhận diện những khuynh hướng bước đầu trong cách ChatGPT tái hiện cấu trúc thể loại và đặc điểm ngôn ngữ của hợp đồng thương mại.

3.2. Thiết kế ngữ liệu

Ngữ liệu nghiên cứu gồm 09 hợp đồng thương mại thuộc ba loại: hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ và hợp đồng phân phối. Mỗi loại gồm 03 hợp đồng, được tạo bằng ChatGPT với độ dài khoảng 1.300-1.500 từ. Quy mô này được lựa chọn phù hợp với định hướng nghiên cứu thăm dò định tính, trong đó trọng tâm không phải là đo lường để suy rộng thống kê, mà là phân tích sâu về cấu trúc bước thoại, chức năng giao tiếp và biểu hiện ngôn ngữ trong từng văn bản. Vì ngữ liệu chỉ gồm 09 hợp đồng và một công cụ AI là ChatGPT, kết quả nghiên cứu chỉ phản ánh khuynh hướng trong phạm vi khảo sát, không đại diện cho toàn bộ hợp đồng do AI tạo sinh.

Để đảm bảo tính nhất quán, toàn bộ ngữ liệu được tạo bằng một prompt chung: *“Là một luật sư chuyên về hợp đồng thương mại, hãy soạn thảo hợp đồng mua bán/dịch vụ/phân phối giữa hai bên đối tác theo hệ thống luật Việt Nam, sử dụng ngôn ngữ pháp lý và cấu trúc hợp đồng tiêu chuẩn. Quy mô hợp đồng từ 1.300-1.500 từ”*. Prompt không liệt kê sẵn các điều khoản cụ thể nhằm tránh định hướng trực tiếp đầu ra, cho phép quan sát khả năng ChatGPT tự tạo lập cấu trúc hợp đồng.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặc trưng bước thoại của hợp đồng ChatGPT

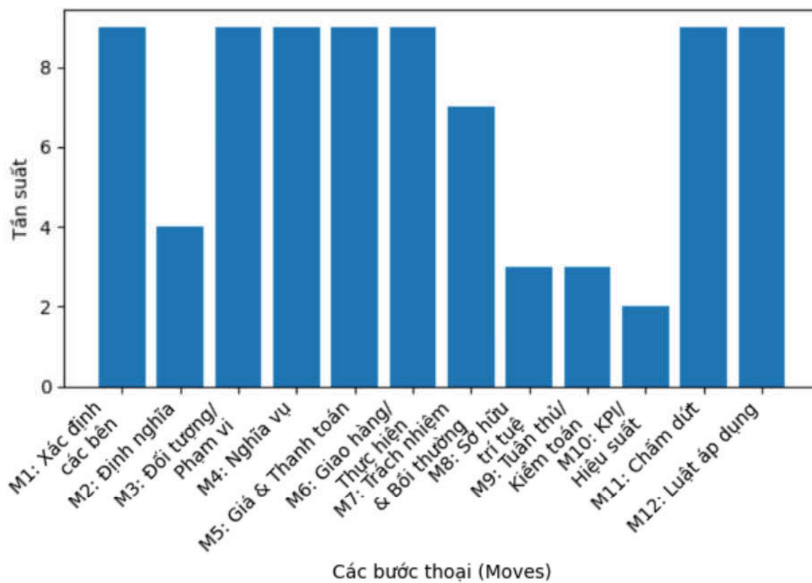
Quá trình phân tích 09 hợp đồng thương mại ChatGPT cho thấy sự nhất quán cao trong hiện thực hóa cấu trúc hợp đồng nòng cốt (obligational moves). Bên cạnh đó là sự biến thiên đáng kể ở các điều khoản tùy chọn (optional moves). Dựa trên khung phân tích bước thoại được điều chỉnh từ học thuyết của Bhatia (1993), các bước diễn ngôn đã được mã hóa nhằm xác định tần suất của chúng.

Kết quả trong hình 1 cho thấy các bước thoại nòng cốt xuất hiện nhất quán trong toàn bộ ngữ liệu. Các bước thoại “Xác định các bên”, “Đối tượng/Phạm vi”, “Nghĩa vụ”, “Điều khoản thanh toán”, “Chấm dứt hợp đồng” và “Luật áp dụng” đạt tần suất 100%. Điều này chứng tỏ ChatGPT có khả năng nhận diện ổn định các mục đích giao tiếp cơ bản của hợp đồng.

Tuy nhiên, có thể thấy rõ ràng ở hình 1, các bước thoại tùy chọn có sự biến thiên đáng kể. Bước thoại “Định nghĩa” chỉ chiếm 44% hiện diện trong số 09 hợp đồng, dù đây là một điều khoản

phổ biến trong hợp đồng chuyên nghiệp. Các điều khoản như “Sở hữu trí tuệ” chiếm 33% ngang bằng với điều khoản “Tuân thủ/Kiểm toán” (33%), trong khi chỉ số “Đánh giá hiệu suất” (KPI) có tần suất thấp nhất với 22%. Các điều khoản này phân bố không đồng đều, chủ yếu xuất hiện ở các hợp đồng thương mại về dịch vụ hoặc phân phối. Sự tùy biến

này cho thấy ChatGPT đã có mức độ nhạy cảm nhất định với từng bối cảnh hợp đồng khác nhau, nhưng vẫn chưa thể tái hiện đầy đủ toàn bộ các thành phần theo đúng chuẩn mực. Đặc biệt, các bước thoại liên quan đến quản trị nâng cao như “KPI” và “Tuân thủ” ít được đề cập. Điều này phản ánh hạn chế về chiều sâu trong việc hiện thực hóa thể loại.



Hình 1. Tần suất xuất hiện của các bước thoại trong hợp đồng thương mại

Mặt khác, khi xem xét cấu trúc tổ chức thì phần lớn các bước thoại đều sắp xếp theo trình tự truyền thống: từ các điều khoản mở đầu “Xác định các bên”, “Phạm vi”; đến các điều khoản vận hành “Nghĩa vụ”, “Thanh toán”; và kết thúc hợp đồng với các điều khoản thực thi “Chấm dứt”, “Luật áp dụng”. Tuy vẫn tồn tại một số tùy biến nhất định trong thứ tự cũng như mức độ triển khai, nhưng không đáng kể.

Nhìn chung, khi xem xét tần suất xuất hiện và bố cục điều khoản hợp đồng, chúng ta có thể thấy ChatGPT có khả năng nắm bắt tốt cấu trúc thể loại, nhưng lại gặp khó khăn trong việc tạo lập các bước thoại chuyên biệt. Tuy nhiên, những bước thoại

tùy chọn lại là yếu tố quan trọng hơn để tạo lập hợp đồng thương mại hoàn chỉnh (Bhatia, 1993; Swales, 1990). Vì vậy, việc thiếu hụt một số bước tùy chọn là thiếu sót lớn mà ChatGPT mắc phải, khiến chúng chưa được chấp nhận là bản hợp đồng hoàn thiện.

4.2. Đặc điểm ngôn ngữ của hợp đồng thương mại AI

4.2.1. Tình thái

Sau khi phân tích toàn bộ dữ liệu, nghiên cứu cho thấy việc sử dụng tình thái là một đặc điểm nổi bật trong hợp đồng ChatGPT tạo sinh. Theo đó, động từ tình thái “phải” là một dấu hiệu của nghĩa vụ. Động từ này xuất hiện với mật độ cao

trong điều khoản quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia, giúp phản ánh chính xác thông lệ soạn thảo pháp lý.

Ví dụ, trong Hợp đồng số 02:

“Bên A phải giao hàng trong 10 ngày kể từ khi xác nhận đơn hàng.”

Tương tự, trong Hợp đồng số 06:

“Bên A phải cung cấp hỗ trợ kỹ thuật 24/7 trong thời gian vận hành.”

Việc sử dụng tình thái “phải” với tần suất cao cho thấy ChatGPT có thể tái hiện hiệu lực pháp lý, nơi nghĩa vụ là bắt buộc. Bên cạnh sự ổn định này, hệ thống tình thái còn thể hiện sự biến thiên thông qua một vài biểu thức khác như “cần”, “có trách nhiệm”...

Ví dụ, trong Hợp đồng số 3, 7, 8 tương ứng:

“Bên B cần duy trì hệ thống phân phối hiệu quả”

“Bên vi phạm nghĩa vụ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.”

“Bên B có trách nhiệm tuân thủ pháp luật và chính sách kinh doanh của Bên A.”

Hiện tượng này cho thấy ChatGPT đã có sự đa dạng trong biểu đạt tình thái, dù sự đa dạng này vẫn còn ở mức thấp với một vài cụm từ luân phiên thay đổi.

4.2.2. Cấu trúc bị động

Ngoài động từ tình thái, một đặc điểm dễ nhận diện khác là việc sử dụng cấu trúc bị động nhằm nhấn mạnh tính khách quan của quy trình pháp lý. Thực tế, cấu trúc bị động thường được sử dụng trong điều khoản liên quan tới nghĩa vụ thanh toán, giải quyết tranh chấp và thực hiện hợp đồng.

Ví dụ, trong Hợp đồng số 01 và Hợp đồng số 09:

“Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”

“Tranh chấp phải được giải quyết thông qua thương lượng hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.”

Bị động là cấu trúc đặc trưng trong diễn ngôn pháp lý giúp nhấn mạnh vào khả năng thực thi. Tuy nhiên, trong một số điều khoản như phần “Nghĩa vụ”, hợp đồng ChatGPT thiết kế vẫn sử dụng các cấu trúc chủ động. Việc này sẽ làm giảm tính nhất quán trong phong cách pháp lý. Như vậy, ChatGPT có nhận thức về việc sử dụng cấu trúc câu chủ động hay bị động, nhưng chưa kiểm soát được việc lựa chọn một cách có hệ thống, dẫn đến sự thiếu đồng bộ.

Ví dụ, trong Hợp đồng số 2, 3, 7:

“Bên A chủ động cung cấp hàng hóa đúng tiêu chuẩn và đúng thời hạn.”

“Bên B có quyền kiểm tra chất lượng hàng hóa.”

“Bên B cần duy trì hệ thống phân phối hiệu quả.”

4.2.3. Danh hoá

Hiện tượng ngôn ngữ được quan tâm nữa là danh hoá. Đây vốn là nét đặc trưng của ngôn ngữ luật. Danh hoá hỗ trợ trừu tượng hóa và cô đọng thông tin truyền đạt. Cách biểu đạt này thường xuất hiện trong điều khoản liên quan tới thanh toán, giải quyết tranh chấp, thực thi hợp đồng. Qua đó, phản ánh việc ưu tiên quy trình hơn là hành động cơ bản.

Các ví dụ điển hình bao gồm: “triển khai”, “phân phối”, “đánh giá” ...

Ví dụ, trong Hợp đồng số 06:

“Dịch vụ phải được triển khai theo các giai đoạn:...”

Và trong Hợp đồng số 09:

“Bên A có quyền kiểm tra và đánh giá hoạt động phân phối của Bên B.”

Việc sử dụng phổ biến biểu thức danh hóa tạo nên sự trang trọng và tính kỹ thuật của hợp đồng. Đồng thời, nó cũng phản ánh khả năng của ChatGPT trong việc tái hiện thông tin một cách cô đọng, súc tích của ngôn ngữ luật. Tuy nhiên, những cụm từ này thường được sử dụng lặp đi lặp lại trong nhiều hợp đồng khác nhau, thể hiện tính chất khuôn mẫu, chưa có nhiều sự ứng biến và đa dạng.

4.2.4. Từ vựng pháp lý cố định

Phân tích ở mức độ từ đơn, nghiên cứu cho thấy hợp đồng ChatGPT tạo ra không chỉ sử dụng từ vựng pháp lý mang tính công thức ở bề mặt mà bước đầu còn thể hiện khả năng sử dụng cấu trúc từ vào mô hình diễn ngôn chức năng.

Ở cấp độ bề mặt, các biểu thức quen thuộc như “được điều chỉnh bởi”, “có hiệu lực kể từ”, “trường hợp bất khả kháng”, “có quyền không giới hạn ở...”, xuất hiện với tần suất cao. Chúng đóng vai trò như những tín hiệu thể chế hóa. Những thuật ngữ này góp phần đảm bảo tính mạch lạc và hợp pháp của diễn ngôn. Tuy nhiên, với đặc trưng mô hình hóa của AI, việc lặp lại của những cụm từ cố định cho thấy sự máy móc và thiếu tính phong phú.

Ở cấp độ diễn ngôn chức năng, ChatGPT phần nào tái hiện các mô hình tổ chức của quan hệ pháp lý. Ví dụ như cấu trúc điều kiện, hệ quả (“trường hợp không đạt KPI...sẽ bị...”), cấu trúc phân bổ quyền lợi (“có quyền giám sát và yêu cầu...”), hay cấu trúc liệt kê mở (“bao gồm nhưng không giới hạn ở...”). Những phát hiện này cho thấy ChatGPT không

chỉ tái tạo các mẫu ngôn ngữ mà bước đầu đã nắm bắt được logic pháp lý.

V. Ứng dụng trong giảng dạy

Kết quả của nghiên cứu mang lại một số đề xuất trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. Trước hết, việc ChatGPT tái hiện tương đối đầy đủ các bước thoại cùng với những đặc điểm ngôn ngữ cơ bản của hợp đồng khiến nó được cân nhắc như một công cụ hỗ trợ trong lớp học. Người học có thể sử dụng ChatGPT để dự thảo hợp đồng và xây dựng tư liệu. Việc phân tích các tư liệu này giúp họ nhận diện cấu trúc bước thoại, từ ngữ, góp phần thúc đẩy trải nghiệm và nâng cao nhận thức về thể loại văn bản pháp lý.

Thứ hai, các hợp đồng ChatGPT có thể được sử dụng như hợp đồng mẫu. Việc so sánh nhiều hợp đồng giúp người học nhận diện hình mẫu, biến thể cũng như sự bất nhất trong việc hiện thực hóa thể loại. Từ đó, hiểu rõ chức năng của các điều khoản trong hợp đồng.

Cuối cùng, hợp đồng do ChatGPT tạo có thể được sử dụng như công cụ phản biện bởi sự chưa hoàn thiện của nó. Giảng viên có thể dùng những tư liệu này để hướng dẫn người học đánh giá, nhận diện những thiếu sót về ngôn ngữ và những rủi ro tiềm ẩn, thay vì chấp nhận nội dung như một nguồn đáng tin cậy.

VI. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, trong phạm vi 09 hợp đồng được khảo sát, ChatGPT có khả năng tái hiện tương đối ổn định cấu trúc thể loại cơ bản của hợp đồng thương mại, đặc biệt ở các bước thoại cốt lõi như xác định các bên, đối tượng hợp đồng, nghĩa vụ, thanh toán, chấm dứt và luật áp dụng. Về mặt ngôn ngữ, các hợp đồng

này bước đầu thể hiện một số đặc điểm của diễn ngôn pháp lý như tình thái nghĩa vụ, cấu trúc bị động, danh hóa và từ vựng pháp lý cố định. Tuy nhiên, các bước thoại tùy chọn và chuyên biệt chưa xuất hiện đồng đều, đồng thời tính nhất quán của ngôn ngữ hợp đồng vẫn còn hạn chế.

Kết quả này tương thích với các nghiên cứu trước về tính quy ước của diễn ngôn hợp đồng, nhưng điểm mới của bài viết nằm ở việc phân tích các quy ước thể loại đó trên ngữ liệu do ChatGPT tạo sinh, thay vì hợp đồng do con người soạn thảo. Từ đó, nghiên cứu đề xuất sử dụng hợp đồng ChatGPT như học liệu phân tích và phản biện trong giảng dạy tiếng Anh pháp lý, không phải như hợp đồng hoàn chỉnh. Do quy mô ngữ liệu nhỏ và chỉ khảo sát ChatGPT, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng ngữ liệu và so sánh thêm các nền tảng AI khác.

Tài liệu tham khảo

- Ajevski, M., Barker, K., Gilbert, A., Hardie, L., & Ryan, F. (2023). ChatGPT and the future of legal education and practice. *The Law Teacher*, 57(3), 352-364. <https://doi.org/10.1080/03069400.2023.2207426>.
- Bhatia, V. K. (1993). *Analysing genre: Language use in professional settings*. Longman.
- Dahl, M., Magesh, V., Suzgun, M., & Ho, D. E. (2024). Large legal fictions: Profiling legal hallucinations in large language models. *Journal of Legal Analysis*, 16(1), 64-93. <https://doi.org/10.1093/jla/laae003>.
- Đặng, V. E., Nguyễn, Đ. L. P., & Nguyễn, T. H. (2024). Thực trạng ứng dụng ChatGPT trong việc học tập, nghiên cứu của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Tap chí Giáo dục*, 24(1), 36-41. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1212>.
- Dwivedi, Y. K., Kshetri, N., Hughes, L., Slade, L., Jeyaraj, A., Kar, A. K., Baabdullah, A. M., Koohang, A., Raghavan, V., Ahuja, M., Albanna, H., Albashrawi, M. A., Al-Busaidi, A. S., Balakrishnan, J., Barlette, Y., Basu, S., Bose, I., Brooks, L., Buhalis, D., ... Wright, R. (2023). "So what if ChatGPT wrote it?" Multidisciplinary perspectives on opportunities, challenges, and implications of generative conversational AI for research, practice, and policy. *International Journal of Information Management*, 71, Article 102642. <https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2023.102642>.
- Narendra, S., Shetty, K., & Ratnaparkhi, A. (2024). Enhancing contract negotiations with LLM-based legal document comparison. In N. Aletras, I. Chalkidis, L. Barrett, C. Goanță, D. Preoțiuc-Pietro, & G. Spanakis (Eds.), *Proceedings of the Natural Legal Language Processing Workshop 2024* (pp. 143-153). Association for Computational Linguistics. <https://doi.org/10.18653/v1/2024.nllp-1.11>.
- Nguyễn, H. (2008). *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, P. V. C. (2013, June 5). *Ngôn ngữ hợp đồng thương mại tiếng Anh*. <https://nguyenphuocvinhco.com/2013/06/05/ngon-ngu-hop-dong-thuong-mai-tieng-anh-the-language-of-a-commercial-contract-in-English/>.
- Swales, J. M. (1990). *Genre analysis: English in academic and research settings*. Cambridge University Press.
- Trosborg, A. (1997). *Rhetorical strategies in legal language: Discourse analysis of statutes and contracts*. Gunter Narr Verlag.

CHATGPT-GENERATED COMMERCIAL CONTRACTS: A GENRE ANALYSIS AND IMPLICATIONS IN LEGAL ENGLISH TEACHING

Tran Nam Thien Huong^{1,2}

Abstract: *This article analyzes the genre structure and selected salient linguistic features of commercial contracts generated by ChatGPT, thereby proposing pedagogical applications for Legal English teaching. The study adopts a qualitative genre analysis approach based on a corpus of nine commercial contracts, covering three types: sales, service, and distribution contracts. The findings show that ChatGPT can relatively consistently reproduce the core rhetorical moves of commercial contracts. However, limitations remain in the realization of optional moves, while inconsistencies in contractual language further reveal the constraints of ChatGPT in producing fully developed contracts. The study concludes that these texts should be used as materials for analysis and critical evaluation rather than as model contracts with complete legal validity.*

Keywords: *genre analysis, commercial contract, ChatGPT, ESP*

¹ Foreign Trade University - Ho Chi Minh City Branch, Vietnam

² PhD student, Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam